

Bản án số: **91/2023/HS-ST**
Ngày 27-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung
2. Ông Lại Hữu Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Vũ L**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: Ấp 2, xã T, huyện T, Tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thu A và bà Huỳnh Thị P; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 16/12/2022 cho đến nay. (Có mặt)

*** Bị hại:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995; Nơi thường trú: Khu 81 Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Phan Thị L; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt)
2. Ông Trịnh Văn N, sinh năm 1989 - Đại diện Hộ kinh doanh Cầm đồ N; Nơi cư trú: Số 5/209 Thủ Khoa Huân, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)
3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: 42/51/61 đường Trần Đại Nghĩa, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

* *Người làm chứng:* Ông Võ Bé S, sinh năm 1986; Nơi cư trú: 115/6 Nguyễn Ngọc Quy, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vũ L và ông Nguyễn Thanh T quen biết nhau từ năm 2014 khi cả hai đi nghĩa vụ quân sự, sau đó cả hai xuất ngũ. Ngày 10/11/2018, thông qua mạng xã hội Facebook, L nhắn tin kết bạn với T. Sáng ngày 15/11/2018, L nhắn tin rủ T đi uống rượu bia và hẹn gặp nhau tại khu vực thuộc vòng xoay An Lạc thuộc quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, T đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, ông T điều khiển xe mô tô Honda Future X, biển số 66N3-4903 đến vòng xoay An Lạc gặp L. Sau đó, cả hai đến quán P, địa chỉ B5/19K Ấp 2, xã T, huyện B uống rượu bia. Một lúc sau, có bạn của T là ông Võ Bé S và người phụ nữ tên Nh (không rõ lai lịch) đến cùng uống rượu bia. Trong lúc uống rượu bia, L thấy ông T có biểu hiện say rượu bia nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông T để bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, để mượn được xe mô tô của ông T, L giả vờ nói với ông T là L đi rước vợ ở quê mới lên (thực tế L chưa có vợ) và L nói ông T cho L mượn xe mô tô để L đi đón vợ, ông T đồng ý và đưa cho L chìa khóa xe mô tô cùng 01 thẻ giữ xe. Lúc này, L kêu anh T đưa giấy đăng ký xe mô tô để không bị Cảnh sát giao thông bắt khi kiểm tra giấy tờ xe. Do T tin tưởng lời nói của L nên lấy 01 bốp màu đen, bên trong có 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 66N3-4903 mang tên Phan Thị L, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM của ngân hàng ACB và 01 thẻ ATM của ngân hàng TP Bank đều mang tên Nguyễn Thanh T cùng với 110.000 đồng đưa cho L cất giữ. Khi L lấy được chìa khóa xe mô tô, thẻ giữ xe và 01 cái bốp do T đưa, L đi ra bãi giữ xe đưa thẻ giữ xe cho người giữ xe của quán rồi điều khiển xe mô tô của ông T đi về thị xã T, Tỉnh Bình Dương để tìm nơi tiêu thụ xe. Thấy L chưa quay lại quán trả xe nên ông T điện thoại cho L thì L hẹn chút nữa về rồi L tắt điện thoại di động.

Đến khoảng 22 giờ ngày 16/11/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 66N3-4903 đến tiệm cầm đồ N, địa chỉ 5/209 đường Thủ Khoa Huân, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương cầm cố cho ông Trịnh Văn N được 10.000.000 đồng, L tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 17/11/2018, L quay lại tiệm cầm đồ N gặp ông N để thỏa thuận bán xe mô tô biển số 66N3-4903 đã cầm trước đó. Lúc này, L đưa giấy đăng ký xe mô tô biển số 66N3-4903 mang tên Phan Thị L và nói dối xe mô tô là của bà L cho, đưa giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh T và nói dối L tên là T để ông N đồng ý mua xe. Sau khi nhận các giấy tờ của L đưa, ông N đồng ý mua xe mô tô với giá 12.000.000 đồng và viết giấy tờ mua bán xe ghi tên người bán là Nguyễn Thanh T đưa cho L điểm chỉ vào bên người bán xe. Sau khi làm giấy tờ bán xe xong, ông N đưa 2.000.000 đồng còn lại cho L (đã trừ 10.000.000 đồng L đã nhận cầm cố vào ngày 16/11/2018). Sau đó, ông N đã bán lại xe mô tô trên cho người đàn ông tên Vinh (không rõ nhân thân, lai lịch).

Đến ngày 29/11/2018, ông T đi trên đường Quốc lộ 1A, khi đến giao lộ Bình Điền thuộc xã A, huyện B thì phát hiện L đang đi với bạn nên giữ L lại và đến Công an xã Tân Kiên trình báo sự việc. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra, xử lý.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh số 49/HĐĐGTS-TCKH ngày 09/01/2019 xác định 01 xe mô tô hiệu Honda Future X, biển số 66N3 – 4903 trị giá 6.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Vũ L đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Do L bỏ đi khỏi địa phương nên ngày 22/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Vũ L. Đến ngày 16/12/2022, Công an xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp bắt Nguyễn Vũ L theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh để điều tra, xử lý.

Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 27/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Vũ L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố. Bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo không tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Vũ L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174 và điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 01 năm 6 tháng đến 2 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 15/11/2018, tại quán P (địa chỉ B5/19K Ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Nguyễn Vũ L đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối là giả vờ nói đi rước vợ (thực tế L chưa có vợ) để mượn xe mô tô biển số 66N3-4903 của ông Nguyễn Thanh T nhằm mục đích chiếm đoạt xe này. Do tin tưởng bị cáo L nên ông T đã đồng ý giao xe và các giấy tờ xe cho bị cáo L. Sau khi nhận được xe, bị cáo đem xe của ông T đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Bằng thủ đoạn gian dối trên, bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại ông Nguyễn Thanh T 01 xe mô tô biển số 66N3-4903 trị giá 6.000.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với hành vi bị cáo nhận 01 cái bóp màu đen ông T đưa, bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM của ngân hàng ACB, 01 thẻ ATM của ngân hàng TP Bank và 110.000 đồng: Xét thấy, quá trình điều tra cho thấy bị cáo không có ý định chiếm đoạt cái bóp và tài sản trong bóp, bị cáo cũng không sử dụng số tiền và tài sản trong bóp của ông T; ông T khai đã nhận lại cái bóp và đầy đủ các giấy tờ, tiền trong bóp. Cả bị cáo và bị hại đều xác nhận bị cáo không có ý định chiếm đoạt cái bóp, tài sản và giấy tờ trong bóp của ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn dẫn đến phải truy nã, việc này gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra vụ án nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Đối với ông Trịnh Văn N là người cầm cố và mua lại xe mô tô biển số 66N3-4903: Kết quả điều tra xác định, ông N không biết nguồn gốc xe mô tô biển số 66N3-4903 là do L phạm tội mà có và không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét xử lý.

[5] Về dân sự: Bị hại ông Nguyễn Thanh T đã nhận lại các tài sản là 01 cái bóp màu đen, bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM của ngân hàng ACB, 01 thẻ ATM của ngân hàng TP Bank, tất cả đều mang tên Nguyễn Thanh T cùng số tiền 110.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng do bị chiếm đoạt xe mô tô và bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền này cho ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 giấy bán xe là tài liệu chứng cứ tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Vũ L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Vũ L**: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2022.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357, 584, 590 Bộ luật dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Thanh T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Lưu theo hồ sơ vụ án đối với: 01 giấy bán xe là tài liệu chứng cứ tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án (tài liệu này đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

4. Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Vũ L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Bị cáo; đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa; Trại giam T30;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh;
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án (TP. Lâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Lâm

